

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**VIỆN TÂM LÝ HỌC**

-----\*\*\*-----

**DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN**

**TRÍ TUỆ CẢM XÚC**  
**CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

**Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành**

**Mã số: 62.31.80.05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC**

**HÀ NỘI, THÁNG 06 - 2010**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**VIỆN TÂM LÝ HỌC - VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**1. GS.TS Nguyễn Quang Uẩn**

**2. PGS.TS Nguyễn Huy Tú**

**Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Xuân Thức**

**Phản biện 2: PGS.TS Lê Thị Vân Anh**

**Phản biện 3: PGS.TSKH Nguyễn Kế Hào**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước tổ chức tại Viện tâm lý học - Viện khoa học xã hội Việt Nam.

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 15 tháng 06 năm 2010.

**CÓ THỂ TÌM LUẬN ÁN TẠI:**

Thư viện Quốc gia Hà Nội

Thư viện Viện tâm lý học Viện khoa học xã hội Việt Nam

Thư viện Đại học sư phạm Hà Nội

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Giáo dục trí tuệ cảm xúc - một nội dung quan trọng và cần thiết trong giáo dục ở nhà trường phổ thông. Tạp chí Tâm lý học, số 8/2007.
2. Về một quy trình phát triển trí tuệ cảm xúc theo mô hình EI 97. Tạp chí Giáo dục, số 2/2008.
3. Về mô hình trí tuệ cảm xúc thuần năng lực của J.Mayer và P.Salovey - một đóng góp quan trọng đầu tiên về quan điểm EI là một dạng trí tuệ mới. Tạp chí Tâm lý học, số 4/2008.
4. Mô hình trí tuệ cảm xúc thuần năng lực chỉnh sửa EI 97 của J.Mayer và P.Salovey. Tạp chí Tâm lý học, số 8/2008.



# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trí tuệ cảm xúc (Emotional Intelligence-EI) là một thành tố trí tuệ mới được phát hiện từ năm 1990, được coi là nhân tố dự đoán tốt cho sự thành công trong phạm vi một công việc, một nghề nghiệp cụ thể có tính xã hội cao như quản lý xã hội, giáo dục, tổ chức... và có thể được nâng cao bằng con đường luyện tập do EI có tương quan thuận với tuổi tác và kinh nghiệm sống.

Nhận thức và hành vi của GVTH chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của xúc cảm, đòi hỏi người GVTH phải có năng lực hiểu, sử dụng và quản lý xúc cảm. EI cần được nghiên cứu vừa với tư cách là phẩm chất nhân cách của GVTH, vừa là một cách tiếp cận để giải quyết một số vấn đề đang tồn tại trong nhà trường tiểu học, nhằm xây dựng nhà trường thành một cộng đồng giáo dục EI.

Từ những cơ sở lý luận và yêu cầu xã hội trên, đề tài “*Trí tuệ cảm xúc của giáo viên tiểu học*” đã được lựa chọn nghiên cứu.

**2. Mục đích nghiên cứu:** Ứng dụng mô hình lý thuyết EI 97 của John Mayer và Peter Salovey vào việc nghiên cứu và phát triển EI của GVTH.

## 3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** Trí tuệ cảm xúc của GVTH.

**3.2. Khách thể nghiên cứu:** Khách thể nghiên cứu chính là 363 GVTH Hà Nội và 86 học sinh lớp 4 là khách thể nghiên cứu bổ trợ.

## 4. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu mức độ, biểu hiện, các yếu tố ảnh hưởng đến EI của GVTH trong HĐSP và con đường, biện pháp phát triển EI của họ dưới quan niệm lý thuyết EI 97 của J.Mayer và P.Salovey.

- Nghiên cứu EI của giáo viên các trường tiểu học nội và ngoại thành Hà Nội.

- Xây dựng 3 biện pháp tác động tâm lý nhằm nâng cao EI của GVTH dựa theo quy trình phát triển EI của D.Caruso, từ đó khẳng định tính hiệu quả của từng con đường được tạo bởi 3 biện pháp tác động này.

## 5. Giả thuyết khoa học

**5.1.** EI của GVTH chưa cao, có tương quan thuận với hiệu quả HĐSP của họ.

**5.2.** EI của GVTH chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như nhận thức về vai trò của EI trong HĐSP, kiểu giáo dục gia đình xuất thân...

**5.3.** Nếu được tổ chức luyện tập theo các con đường tác động tâm lý - sự phạm khác nhau, trong đó con đường tác động bằng một hệ thống biện pháp liên hoàn “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, “Tác động hồi tưởng”, “Tác động hiện thời” sẽ có hiệu quả nâng cao EI của GVTH tốt nhất, và hiệu quả HĐSP của họ cũng được tăng lên tương ứng.

## **6. Nhiệm vụ nghiên cứu**

**6.1.** Hệ thống hóa và xây dựng những vấn đề lý luận cơ bản về EI và những nghiên cứu ứng dụng lý thuyết về EI nhằm lựa chọn mô hình lý thuyết EI, công cụ đo lường và quy trình nâng cao EI của GVTH trong HĐSP một cách đồng bộ, làm cơ sở định hướng cho việc nghiên cứu thực tiễn của luận án.

**6.2.** Xác định thực trạng mức độ, biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến EI của GVTH trong HĐSP.

**6.3.** Tổ chức thực nghiệm để xác định con đường tác động có hiệu quả nhất trong việc nâng cao EI của GVTH, nhằm nâng cao hiệu quả HĐSP.

Trên cơ sở giải quyết các nhiệm vụ trên, đề xuất các ý kiến nhằm góp phần nâng cao EI của GVTH, qua đó nâng cao hiệu quả HĐSP của họ.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết các nhiệm vụ đề ra, luận án sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp nghiên cứu văn bản, lịch sử, trắc nghiệm tâm lý, thực nghiệm tâm lý, điều tra, đánh giá nhóm, chuyên gia, nghiên cứu trường hợp/case-study, phỏng vấn, quan sát, xử lý thông tin.

## **8. Đóng góp mới của luận án**

- Góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về sự phát triển EI của GVTH và ý nghĩa đối với HĐSP, cùng con đường phát triển EI của họ.
- Xác định thực trạng EI và các năng lực EI thành phần của GVTH, các yếu tố ảnh hưởng đến EI của họ.
- Khẳng định thực nghiệm về giá trị nâng cao EI của GVTH của biện pháp tác động tâm lý “Tác động hiện thời” cũng như giá trị của con đường tác động tâm lý tạo bởi sự kết hợp liên hoàn 3 biện pháp “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, “Tác động hồi tưởng”, “Tác động hiện thời” trong việc nâng cao EI và hiệu quả HĐSP của GVTH. Qua đó, khẳng định sự cần thiết và có thể giáo dục phát triển EI của GVTH, và nâng cao EI của GVTH cũng là một cách nâng cao hiệu quả HĐSP của họ.

# **CHƯƠNG I**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TRÍ TUỆ CẢM XÚC**

### **1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Có thể tổng kết thành 3 tuyến chính nghiên cứu và phổ biến về EI như sau:

- Tuyến phổ biến các tài liệu khoa học về EI, bao gồm tác phẩm của D.Goleman, và Reuven Bar-On, người đã tạo ra thuật ngữ EQ.

- Tuyển nghiên cứu học thuật về EI, được thực hiện bởi P.Salovey, J.Mayer và cộng sự, những người công bố khái niệm EI, đề xuất mô hình EI 97 và thiết kế MSCEIT, đang được đánh giá là mô hình duy nhất đã được kiểm chứng.

- Tuyển nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực tổ chức hành vi: K.Law, C.Wong, và các chuyên gia tổ chức.

Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu về EI đã đi được những bước đầu tiên, chủ yếu tập trung vào việc đo đạc EI trên những nhóm khách thể như giáo viên THCS, học sinh phổ thông, sinh viên, lao động trẻ... Nhưng việc triển khai nghiên cứu theo hướng học thuật chặt chẽ, thống nhất từ định nghĩa đến công cụ đo lường và quy trình phát triển EI trên một nhóm nghề nghiệp mang tính xã hội cao như GVTH, xây dựng nhà trường tiểu học thành cộng đồng giáo dục EI và các kiến nghị sư phạm thỏa đáng về vấn đề này còn chưa được triển khai. Vì vậy, luận án rút ra một số vấn đề làm cơ sở định hướng cho nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu EI của GVTH có thể được thực hiện bằng MSCEIT, hệ thống bài tập đo nghiệm và phiếu điều tra các biểu hiện EI của GVTH trong các mối quan hệ sư phạm điển hình và sản phẩm HĐSP của họ.

- Mức độ EI của GVTH phát triển không đồng đều với nhau do ảnh hưởng của một số yếu tố.

- Xây dựng nhà trường thành cộng đồng giáo dục EI và tổ chức con đường luyện tập một cách hợp lý sẽ nâng cao EI của GVTH và nâng cao hiệu quả HĐSP một cách tương ứng.

## 1.2. Trí tuệ và xúc cảm

- Trí tuệ là một thuộc tính của nhân cách có tính độc lập tương đối, có cấu trúc phức hợp, đa tầng, đa diện.

- Xúc cảm, là một hiện tượng tâm lý phức tạp, phản ánh mối quan hệ giữa một người với bạn bè, gia đình, tình huống xã hội hoặc mang tính nội tâm nên xúc cảm cần trở thành đối tượng của hoạt động nhận thức.

Đến nay, các nhà tâm lý học đã chứng minh sự hợp nhất của trí tuệ và xúc cảm trong một cấu trúc tâm lý - EI.

## 1.3. Lý thuyết về trí tuệ cảm xúc

Căn cứ vào quan niệm và phương pháp đo lường EI, có thể chia các mô hình EI hiện nay thành hai kiểu phổ biến nhất là:

(1) **Mô hình EI hỗn hợp:** quan niệm EI là một cấu trúc hỗn hợp pha trộn giữa năng lực, kỹ năng và đặc điểm nhân cách; sử dụng phương pháp đo lường tự đánh giá, gồm các đại diện như mô hình EI của Bar-On (1997, 2000), mô hình EI của D.Goleman và cộng sự (1995, 2000), mô hình Tự hiệu quả về xúc cảm của Petrides và Furnham (2000).

**(2) Mô hình EI năng lực:** quan niệm EI là một năng lực trí tuệ, sử dụng phương pháp đo lường thực hành, gồm mô hình EI năng lực của J.Mayer và P.Salovey (1990, 1997), mô hình EI của Matthew, Zeidners và Roberts (2005).

Với quan niệm EI là một cấu trúc trí tuệ, luận án cho rằng EI cần được đo lường theo cách tiếp cận năng lực hoặc đánh giá kết quả thực hiện, cũng như cần phân biệt rõ ranh giới của EI với các thuộc tính khác của nhân cách. Nếu EI là một dạng trí tuệ thì nó phải thoả mãn 3 tiêu chí *khái niệm, tương quan và phát triển* để được xếp vào các cấu trúc trí tuệ.

Mô hình EI 97 của J.Mayer, P.Salovey đã thoả mãn các điều kiện trên và được lựa chọn làm khái niệm công cụ và sử dụng MSCEIT của các tác giả này làm công cụ đo lường chính yếu trong nghiên cứu của luận án về EI của GVTH.

EI 97 định nghĩa: “Trí tuệ cảm xúc dùng để chỉ năng lực nhận thức các ý nghĩa của xúc cảm và mối quan hệ giữa chúng, và để lập luận cũng như giải quyết vấn đề trên cơ sở những ý nghĩa và mối quan hệ đó. Trí tuệ cảm xúc tham gia vào năng lực nhận thức xúc cảm, đồng hóa các cảm nhận có liên quan đến xúc cảm, thấu hiểu thông tin về những xúc cảm đó và quản lý chúng”.

Cấu trúc EI theo EI 97 gồm 4 năng lực/thành tố, có mối quan hệ thứ bậc:

(1) *Nhận thức, đánh giá và biểu hiện xúc cảm* bao gồm việc tiếp nhận và nhận biết những thông tin xúc cảm và những kỹ năng cơ bản nhất gắn với xúc cảm. Các quá trình thu nhận thông tin cơ bản này là điều kiện tiên quyết cho quá trình hình thành thông tin xúc cảm sau này để giải quyết các vấn đề.

(2) *Tạo điều kiện xúc cảm cho suy nghĩ* miêu tả việc sử dụng xúc cảm để nâng cao lập luận (suy nghĩ) và đặt ra những trường hợp xúc cảm khác nhau. Thành tố này bao gồm những xúc cảm hướng sự quan tâm chú ý đến các thông tin quan trọng và các tâm trạng khác nhau tạo điều kiện dễ dàng để hình thành những lập luận khác nhau.

(3) *Hiểu và phân tích xúc cảm, sử dụng những tri thức xúc cảm* bao hàm bốn năng lực tiêu biểu, trải ra từ năng lực xác định xúc cảm và nhận ra mối quan hệ giữa lời nói và xúc cảm, đến năng lực nhận biết sự chuyển biến xúc cảm có thể xảy ra.

(4) *Điều chỉnh xúc cảm một cách có suy nghĩ nhằm tăng cường sự phát triển xúc cảm và trí tuệ* liên quan đến năng lực kiểm soát xúc cảm bản thân và xúc cảm của người khác để tăng cường sự phát triển trí tuệ và xúc cảm. Năng lực này bao gồm những kỹ năng cao nhất, sắp xếp từ năng lực để xúc cảm tự do phát triển (cả xúc cảm dễ chịu và khó chịu) đến năng lực quản lý xúc cảm của bản thân và người khác bằng cách tăng cường những xúc cảm dễ chịu và điều hoà những xúc cảm tiêu cực. Thành tố quan trọng nhất này của EI 97 chứa điểm chung của rất nhiều nhân tố bao gồm động cơ, xúc cảm và nhận



thức và phải được nhận biết, được cân bằng nhằm kiểm soát xúc cảm một cách thành công.

#### **1.4. Các phương pháp đo lường trí tuệ cảm xúc**

**1.4.1. Phương pháp đo lường EI tự đánh giá:** xuất phát từ quan niệm coi EI như một tập hợp đặc điểm và kỹ năng, các tác giả sử dụng dữ kiện tự đánh giá như yêu cầu người tham gia tự miêu tả về bản thân họ để thiết kế thang đo EI. Hiện có bốn thang đo tự đánh giá tiêu biểu là EQ-i (Bar-on, 1997, 2000), SSRI (Schutte, 1998), ECI (Goleman, 1995) và ECI-2 (Boyatzis và Sala, 2004) và SREIS.

**1.4.2. Phương pháp đo lường EI thực hành:** Do tiếp cận EI với tư cách là một năng lực trí tuệ, các tác giả đã thiết kế trắc nghiệm tiêu chuẩn đo lường EI. Có hai phương pháp chủ yếu là EARS (G.Geher) và MSCEIT (Mayer-Salovey-Caruso, 2000). MSCEIT hiện nay được đánh giá là một thang đo tiêu biểu không chỉ cho phương pháp đo EI thực hành mà còn cho các phương pháp đo EI nói chung vì được kiểm chứng có đủ độ tin cậy, độ hiệu lực, và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu ứng dụng.

Vì vậy, luận án lựa chọn MSCEIT làm công cụ đo lường chính yếu trong nghiên cứu EI của giáo viên tiểu học.

#### **1.5. Các mô hình EI và các lĩnh vực của nhân cách**

Đến thời điểm này, nếu một mô hình mang tên EI thì nên mô tả một lĩnh vực gắn kết chặt chẽ giữa trí tuệ và xúc cảm, vì nếu không, lĩnh vực đó sẽ được tạo nên bởi một tập hợp những đặc điểm cá nhân và như vậy sẽ phải bàn về một loại hay một nhóm các phẩm chất cá nhân trong nhân cách. Và mô hình EI 97 của J.Mayer và P.Salovey đã thỏa mãn các điều kiện này.

#### **1.6. Tầm quan trọng của những nghiên cứu về EI và vai trò của EI trong hoạt động thực tiễn**

Các kết quả nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng EI có tầm quan trọng cần được khẳng định ở cả phạm vi cá nhân và sự phát triển xã hội, đặc biệt trong giáo dục. Các công trình nghiên cứu gần đây ngày càng chỉ ra mối liên kết giữa trí tuệ cảm xúc (một loại trí tuệ xã hội) và thành công trong học tập cũng như điều chỉnh hành vi của trẻ.

#### **1.7. Hoạt động sư phạm của GVTH nhìn từ góc độ lý thuyết EI**

Lứa tuổi HSTH có đặc trưng tâm lý nổi bật là *rất dễ xúc động, tình cảm mang tính cụ thể, trực quan và giàu xúc cảm*, trong quan hệ trẻ thừa nhận uy tín của giáo viên một cách *mặc nhiên*. Đặc điểm này đòi hỏi GVTH, với tư cách là một người thầy tổng thể, cần có năng lực *đọc và tạo dựng* được xúc cảm tích cực của bản thân và học sinh, với tư cách là *cái phông* để quá trình truyền đạt thông tin và điều chỉnh hành vi được diễn ra. Quan điểm này đã

gặp gỡ với lý thuyết EI, đó là cần coi EI là một năng lực trong nhân cách người GVTH.

Luận án đề xuất một mô hình năng lực EI của GVTH trong HĐSP dựa trên mô hình EI 97, gồm 4 thành tố:

(1) Năng lực nhận thức, đánh giá và biểu hiện xúc cảm:

- Năng lực nhận biết chính xác những biểu hiện xúc cảm và những đặc điểm nhân cách của HSTH.

- Năng lực thể hiện được xúc cảm của bản thân trong những THSP.

- Năng lực hiểu và đồng cảm với những khó khăn trong tâm lý của HSTH.

(2) Năng lực sử dụng xúc cảm để tạo điều kiện thúc đẩy tư duy:

- Năng lực tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động học tập của HSTH và môi trường làm việc của bản thân và đồng nghiệp.

- Năng lực sử dụng các tác động sư phạm một cách nhạy bén và tinh tế.

- Năng lực xem xét sự việc một cách đa chiều, phù hợp với đặc điểm của HSTH, cha mẹ học sinh và đồng nghiệp.

- Năng lực giải quyết THSP một cách kịp thời, vì sự phát triển của HSTH, trong khuôn khổ đạo lý.

(3) Năng lực sử dụng tri thức về xúc cảm để hiểu và phân tích xúc cảm:

- Năng lực sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hợp lý, có hiệu quả.

- Năng lực nhận biết được sự chuyển đổi xúc cảm có thể xảy ra của HSTH, cha mẹ học sinh và đồng nghiệp để có cách giải quyết phù hợp.

- Năng lực sử dụng tri thức để thấu hiểu được xúc cảm phức hợp của các đối tượng giao tiếp sư phạm.

(4) Năng lực quản lý xúc cảm một cách có suy nghĩ:

- Năng lực tổ chức và cổ vũ sự phát triển của HSTH trong cách suy nghĩ sáng tạo, giải quyết vấn đề, và các kỹ năng thực hành.

- Năng lực thúc đẩy mối quan hệ với những đồng nghiệp, cha mẹ học sinh, cơ quan trong cộng đồng lớn hơn một cách thân thiện và hợp đạo lý để nhận được sự ủng hộ cho việc học tập và hạnh phúc của HSTH.

- Năng lực làm chủ xúc cảm của bản thân.

### **1.8. Một số yếu tố ảnh hưởng đến EI của GVTH**

EI của GVTH, với tư cách là một loại trí tuệ xã hội, chịu ảnh hưởng của một số yếu tố độ tuổi và kinh nghiệm, nhận thức, trình độ đào tạo, văn hóa của môi trường sống, môi trường làm việc, kiểu giáo dục gia đình, ...

### **1.9. Vấn đề nâng cao trí tuệ cảm xúc của GVTH**

Các nghiên cứu về EI vẫn còn đang ở giai đoạn đầu, vì vậy cần sử dụng một qui trình huấn luyện EI được soạn thảo dựa trên nền tảng lý thuyết EI được định nghĩa khoa học, rõ ràng và chính xác. Quy trình nâng cao EI của D.Caruso được thiết kế theo mô hình EI 97 là phù hợp nhất và luận án coi đó

là định hướng để thiết kế các biện pháp, con đường tác động thực nghiệm, nhằm nâng cao EI của GVTH, từ đó nâng cao hiệu quả HĐSP của họ.

**\* Quy trình nâng cao EI**

Dựa trên mô hình EI 97, nhà tâm lý học Mỹ D.Caruso và cộng sự đề xuất một qui trình phát triển EI gồm bốn giai đoạn tương ứng với bốn năng lực EI:

Bước 1: Nhận thức chính xác về xúc cảm - Kết hợp những dữ kiện sẵn có.

Bước 2: Sử dụng xúc cảm để đẩy mạnh khả năng tư duy - Phát hiện ra một viễn cảnh xúc cảm chung.

Bước 3: Hiểu rõ nguyên nhân và sự phát triển của xúc cảm - Trả lời câu hỏi “Cái gì sẽ xảy ra nếu...”.

Bước 4: Quản lý xúc cảm để đạt được những kết luận logic về mặt trí tuệ - Những quyết định chiến lược cơ bản trong xúc cảm và lập luận.

**\* Vấn đề nâng cao EI trong nhà trường**

Nhà trường có thể được quan niệm như một *cộng đồng giáo dục EI*. Trong phạm vi của mình, luận án thiết kế một số biện pháp để xây dựng tập thể GVTH có hiểu biết, có nhu cầu nâng cao EI cho bản thân; các giáo viên được hướng dẫn luyện tập để nâng cao EI và bắt đầu tiến hành những hành động thực tiễn trong HĐSP để định hướng phát triển EI cho trẻ; và thực hiện thí điểm lồng ghép nội dung giáo dục EI vào nội dung bài học cho HSTH cuối cấp.

Các phân tích trên cho phép rút ra một số kết luận sau:

- Các nghiên cứu công phu và đa diện về EI một mặt góp phần làm sáng tỏ về thành tố EI trong trí tuệ của con người, mặt khác thừa nhận cho đến thời điểm này, mô hình EI 97 thuần năng lực của J.Mayer và P.Salovey có độ tin cậy cao nhất để ứng dụng trong thực tiễn. Mô hình EI 97 cùng bộ test MSCEIT và quy trình bốn bước nâng cao EI của D.Causo là một hệ thống khái niệm và công cụ đồng bộ được lựa chọn làm cơ sở khoa học của luận án.

- Nghiên cứu về EI của GVTH là cần thiết và có thể thực hiện được. Với cách tiếp cận EI là một năng lực trong nhân cách nghề nghiệp của người giáo viên và như một giải pháp mới để giải quyết một số vấn đề giáo dục hiện nay, nhà trường tiểu học cần được xây dựng thành một cộng đồng giáo dục EI.

- EI của GVTH trong HĐSP được biểu hiện trong 4 năng lực EI cơ bản gồm năng lực nhận ra xúc cảm hiện có và hiểu sự phát triển của xúc cảm bản thân và học sinh, năng lực sử dụng xúc cảm để kích thích tư duy của mình và người khác, năng lực quản lý được xúc cảm bản thân, học sinh và các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục trẻ, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong HĐSP. Quy trình nâng cao EI của GVTH được thực hiện theo 4 năng lực EI này.

- Kết quả đo lường EI của GVTH và các yếu tố ảnh hưởng là cơ sở góp phần để xây dựng các biện pháp tác động thực nghiệm nâng cao EI của GVTH, là một trong những con đường để nâng cao hiệu quả HĐSP ở bậc học này.

## CHƯƠNG 2

### TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận án được tổ chức nghiên cứu theo ba giai đoạn:

#### **2.1. Giai đoạn 1: Xây dựng cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề, xác định cơ sở khoa học và khái niệm công cụ EI 97, MSCEIT và quy trình nâng cao EI, cơ sở lý luận để xây dựng các công cụ nghiên cứu, các tiêu chí đánh giá, các biện pháp và con đường tác động thực nghiệm...

#### **2.2. Giai đoạn 2: Nghiên cứu thực trạng EI và HĐSP của GVTH**

Tiến hành từ tháng 11-12/2006 trên 363 giáo viên thuộc 107 trường tiểu học nội và ngoại thành Hà Nội, cùng 86 học sinh lớp 4.

##### ***2.2.1. Mục đích nghiên cứu thực trạng***

Tìm hiểu thực trạng EI của GVTH và mối quan hệ giữa EI và kết quả HĐSP của họ. Ngoài ra cũng tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến EI của GVTH.

##### ***2.2.2. Nội dung nghiên cứu thực trạng***

Đo lường mức độ EI và khơi sâu một số khía cạnh khác nhau của EI GVTH, tìm hiểu mối quan hệ giữa mức độ EI và chất lượng HĐSP của GVTH. Bước đầu tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng sự phát triển EI của GVTH.

##### ***2.2.3. Phương pháp nghiên cứu thực trạng***

Sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp trắc nghiệm, điều tra, đánh giá nhóm được xem là phương pháp chủ đạo.

#### **2.3. Giai đoạn 3: Tiến hành thực nghiệm tác động tâm lý phát triển EI của GVTH nhằm cải thiện chất lượng HĐSP của họ**

Tiến hành chủ yếu trong hai năm học 2006 - 2007 và 2007 - 2008 trên 103 GVTH và 86 học sinh lớp 4.

##### ***2.3.1. Mục đích nghiên cứu thực nghiệm***

Thực nghiệm 3 biện pháp tác động tâm lý kết hợp theo các cách khác nhau tạo thành 4 con đường nhằm nâng cao EI của GVTH, mong muốn qua đó cải thiện chất lượng HĐSP của các giáo viên tham gia TN.

##### ***2.3.2. Nội dung nghiên cứu thực nghiệm***

###### ***2.3.2.1. Chuẩn bị thực nghiệm***

##### **\* Cơ sở khoa học để xây dựng biện pháp và con đường tác động**

- Mô hình EI 97, thang đo MSCEIT, quy trình nâng cao EI của D.Caruso.
- Kết quả phân tích thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến EI của GVTH.
- Lý luận về làm việc nhóm (Teamwork) của Kagan.

**\* Những biện pháp tác động thực nghiệm**

Luận án xây dựng ba biện pháp tác động tâm lý khác nhau để nâng cao EI:

- Biện pháp 1: **“Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”**

Bản chất của biện pháp 1 là phát triển EI thông qua việc **tăng cường tri thức lý luận về EI và tạo điều kiện hình thành động cơ nâng cao EI** cho GVTH, tức là nhóm thực nghiệm đã thực hiện được phần đầu tiên của bước 1 - *Nhận thức xúc cảm* theo quy trình nâng cao EI của D.Caruso.

- Biện pháp 2: **“Tác động hồi tưởng”**

Bản chất của biện pháp 2 là phát triển EI thông qua việc GVTH **sử dụng tri thức lý luận về EI để phân tích những xúc cảm đã qua** của bản thân trong các THSP quá khứ. Nội dung của biện pháp “Tác động hồi tưởng” được triển khai theo 4 bài tập hồi tưởng, kết hợp với biện pháp 1 “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, nhóm TN đã tiếp tục thực hiện được phần còn lại của bước 1 trong quy trình nâng cao EI của D.Caruso, *Nhận thức xúc cảm*.

- Biện pháp 3: **“Tác động hiện thời”**

Bản chất tâm lý của biện pháp “Tác động hiện thời” là làm tăng cao EI thông qua việc GVTH **sử dụng tri thức lý luận về EI để phân tích những xúc cảm đã qua và giải quyết những vấn đề xúc cảm đang xảy ra** trong các THSP hiện tại. Nội dung của biện pháp “Tác động hiện thời” gồm các hoạt động sau:

+ Tập huấn về quy trình phát triển EI theo kỹ thuật của D.Caruso.

+ Tập huấn 10 chuyên đề thực hành nâng cao EI.

+ Tổ chức luyện tập nâng cao EI bằng cách vận dụng kiến thức về nâng cao EI được tập huấn vào việc xem xét để giải quyết các THSP đang xảy ra tại lớp chủ nhiệm vào buổi sinh hoạt khối chuyên môn hàng tuần. Chia nghiệm thể thành hai nhóm luyện tập theo hình thức nhóm và cá nhân.

+ Hướng dẫn hai giáo viên chủ nhiệm lớp 4 của hai trường Quảng An và Đông Ngạc B lồng ghép nội dung giáo dục EI vào bài giảng Đạo đức và Tiếng Việt, nội dung sinh hoạt lớp hàng tuần trong học kỳ 1 năm học 2007-2008, tổ chức một buổi hội thảo cho học sinh với chủ đề **“Biết quan tâm, giúp đỡ mọi người”**.

Thông qua việc rèn luyện theo biện pháp “Tác động hiện thời” này, nhóm TN đã thực hiện được ba bước tiếp theo của quy trình nâng cao EI của D.Caruso, đó là: *Sử dụng xúc cảm, Hiểu xúc cảm, Quản lý xúc cảm*. Đồng thời, tổ chức nhóm TN luyện tập theo hình thức nhóm được thực hiện dựa vào lý luận “Dạy - Học hợp tác” của Kagan.

**\* Những con đường tác động tâm lý làm tăng cao EI của nhóm TN**

**Bốn con đường tác động tâm lý - sự phạm tăng cao EI của GVTH**

TT	Tiểu nhóm TN	Con đường tác động tâm lý - sự phạm		Số nghiệm thể	
		Tên con đường	Biện pháp tác động tạo thành con đường		
1	TN1	Con đường 1	BP1	15	
2	TN2	Con đường 2	BP1 + BP2	15	
3	TN3	Con đường 3	BP1 + BP3	11 (hình thức nhóm)	15
				04 (hình thức cá nhân)	
4	TN4	Con đường 4	BP1 + BP2 + BP3	14 (hình thức nhóm)	20
				06 (hình thức cá nhân)	
Tổng hợp	4 tiểu nhóm TN	4 con đường tác động tâm lý - sự phạm	3 biện pháp tác động tâm lý đơn lẻ kết hợp với nhau thành 4 con đường tác động tâm lý - sự phạm	65	

## 2.4. Phương pháp và công cụ nghiên cứu của luận án

**2.4.1. Các công cụ nghiên cứu được sử dụng trong luận án:** Sử dụng bộ test MSCEIT và 15 công cụ thiết kế nhằm đo đạc những biểu hiện, mức độ EI của GVTH trong HĐSP, kết quả HĐSP dưới các góc độ khác nhau, biểu hiện EI và kỹ năng xúc cảm xã hội của của HSTH...

### 2.4.2. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án

#### 2.4.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu:

Nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận về EI và HĐSP của GVTH.

#### 2.4.2.2. Phương pháp nghiên cứu lịch sử:

Nhìn lại lịch sử nghiên cứu về trí tuệ, xúc cảm và EI cho đến nay.

#### 2.4.2.3. Phương pháp trắc nghiệm tâm lý

Được sử dụng với tư cách là phương pháp nghiên cứu chính của luận án, nhằm xác định mức độ EI của nghiệm thể ở các bước nghiên cứu khác nhau, làm cơ sở cho việc so sánh, phân tích, rút ra kết luận khoa học.

#### 2.4.2.3. Phương pháp điều tra viết

Sử dụng làm phương pháp nghiên cứu chính của luận án. Xây dựng 07 hệ thống câu hỏi khác, phù hợp với từng mục đích thu thập thông tin của luận án.

#### 2.4.2.4. Phương pháp đánh giá nhóm

Được sử dụng làm phương pháp nghiên cứu chính của luận án nhằm tìm hiểu ý kiến đánh giá của nhóm xã hội - nghề nghiệp về mức độ biểu hiện năng lực EI và kết quả HĐSP của GVTH.

#### **2.4.2.5. Phương pháp thực nghiệm tâm lý - sư phạm**

Nhằm nâng cao EI của GVTH, từ đó nâng cao kết quả HĐSP của họ, luận án tiến hành TN 4 con đường tác động độc lập, mỗi con đường là sự tổng hợp của một nhóm các biện pháp tác động tâm lý-sư phạm khác nhau, từ đó rút ra kết luận về con đường hiệu quả nhất.

#### **2.4.2.6. Phương pháp quan sát**

Nhằm thu thập thông tin về những biểu hiện cụ thể của EI của GVTH trong hoạt động dạy học và giáo dục, của học sinh trong học tập và giao tiếp, luận án sử dụng phương pháp quan sát như một phương pháp bổ trợ.

#### **2.4.2.7. Phương pháp phỏng vấn**

Nhằm thu thập những ý kiến của hiệu trưởng, khối trưởng, đồng nghiệp về một số biểu hiện của EI và kết quả HĐSP của giáo viên được nghiên cứu; thu thập những ý kiến của học sinh về tác động của giáo viên chủ nhiệm lớp đến trẻ và ảnh hưởng của xúc cảm đến kết quả học tập và giao tiếp của trẻ.

#### **2.4.2.8. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia**

Được sử dụng ở tất cả các giai đoạn nghiên cứu của luận án, nhằm xin ý kiến chuyên gia thẩm định những tiêu chí đo các biểu hiện, mức độ biểu hiện EI của GVTH và HSTH.

#### **2.4.2.9. Phương pháp nghiên cứu case-study**

Nhằm làm rõ hơn nữa những biểu hiện, đặc điểm EI và HĐSP của GVTH; quá trình phát triển EI của hai giáo viên nhận con đường tác động 4 và biện pháp tác động bổ trợ của luận án.

#### **2.4.2.10. Phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng các công thức toán học để xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS 12.0 .

## **CHƯƠNG 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Thực trạng EI của giáo viên tiểu học**

#### **3.1.1. Mức độ EI của GVTH đo lường bằng MSCEIT**

**Bảng 3.1: Thực trạng EI của giáo viên tiểu học (MSCEIT)**

<b>Điểm</b>	<b>N</b>	<b>Min</b>	<b>Max</b>	<b>Mean</b>	<b>SD</b>
<b>Điểm tổng EI1</b>	363	25.99	71.58	<b>59.0586</b>	6.84335
<b>EQ1</b>	363	27.49	127.47	<b>100.019</b>	15.00735

Số liệu ở bảng 3.1 cho thấy vào thời điểm tháng 12/2006, điểm tổng  $\bar{EI}$  1 của 363 GVTH được điều tra là 59.0586. Nếu coi điểm tổng lý tưởng của MSCEIT là 141 điểm thì điểm tổng  $\bar{EI}$  1 của GVTH đạt khoảng 41.88%.

Nếu quy đổi ra EQ thì  $\bar{EQ}$  1 = 100.019 với chỉ số EQ thấp nhất là 27.49 và chỉ số EQ cao nhất là 127.47. Căn cứ vào cách phân loại này, mức độ EQ của toàn mẫu được nghiên cứu thể hiện ở bảng 3.2:

**Bảng 3.2: Thực trạng mức độ EQ của giáo viên tiểu học**

Mức độ EQ	Rất thấp	Thấp	T.bình	Trên TB	Cao	Rất cao	Tổng số
	$\leq 70$	70-89	90-109	110-119	120-129	$\geq 130$	
N	14	56	193	80	20	0	363
%	3.9%	15.4%	53.2%	22%	5.5%	0%	100%

Bảng 3.2 cho thấy đa số GVTH có chỉ số EQ ở mức trung bình (53.2%), không có giáo viên nào đạt chỉ số EQ ở mức rất cao ( $\geq 130$ ), có 19.3% số giáo viên có chỉ số EQ ở mức dưới trung bình. Hiện trạng độ cao EI của GVTH được đo lường bằng test MSCEIT là một phân bố bình thường, hơi nghiêng về trên trung bình, tương đối gần với phân bố chuẩn ( $p = 0$ ), như vậy giả thuyết thứ 1 của luận án đã được chứng minh là đúng: *EI của GVTH chưa cao.*

### **3.1.2. Phân tích thực trạng năng lực EI của GVTH đo bằng MSCEIT**

#### **3.1.2.1. Thực trạng 2 lĩnh vực EI của giáo viên tiểu học**

Với  $p = 0$  cho thấy hai lĩnh vực EI của GVTH có sự khác biệt, trong đó lĩnh vực *EI theo kinh nghiệm* phát triển hơn *EI có chiến lược*. Luận án cần chú trọng việc xây dựng các biện pháp thực nghiệm nhằm phát triển các năng lực EI có chiến lược cho GVTH.

#### **3.1.2.2. Thực trạng 4 năng lực EI cơ bản của giáo viên tiểu học**

Kết quả đo lường cho thấy *Năng lực hiểu xúc cảm* (0.4810) và *Năng lực sử dụng xúc cảm* (0.4704) có điểm trung bình cao hơn, còn *Năng lực quản lý xúc cảm* (0.3458) của GVTH kém có điểm thấp nhất ( $p = 0$ ). Tuy *Năng lực quản lý xúc cảm* là năng lực bậc cao nhất trong 4 năng lực cơ bản của EI, nhưng kết quả đo lường cho thấy năng lực EI này của GVTH lại có điểm trung bình thấp nhất, điều này có thể là nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại của hàng loạt hiện tượng trong giáo dục hiện nay như một số giáo viên chưa kiểm soát được hành vi của mình, thiếu quan tâm và chưa biết cách tác động đến suy nghĩ, xúc cảm của học sinh nhằm hình thành cho trẻ thái độ xã hội đúng đắn, lạm dụng các hình thức trừng phạt hơn là thuyết phục, cảm hóa..., làm hạn chế hiệu quả HĐSP của họ.



**3.1.2.3. Thực trạng các năng lực EI thành phần của giáo viên tiểu học**  
**Bảng 3.7: Thực trạng 10 năng lực EI tiểu thành phần của GVTH (MSCEIT)**

MSC EIT	Năng lực EI		Điểm TB tiểu test	Điểm TB Item	Tỉ lệ %	P
A	Nhận biết xúc cảm khuôn mặt		9.2672	0.4634	10.87	.00
B	Nuôi dưỡng các xúc cảm tích cực	Giải quyết vấn đề cụ thể	6.1075	0.4893	11.48	
		Xem xét vấn đề đa chiều		0.2756	6.47	
C	Xét đoán sự tiến triển và hiểu sự xuất hiện xúc cảm	Xét đoán sự tiến triển của xúc cảm	9.8796	0.4670	10.96	
		Giải thích nguyên nhân thay đổi xúc cảm		0.5270	12.36	
D	Quản lý xúc cảm bản thân		6.4832	0.3242	7.61	
E	Nhận biết xúc cảm tranh phong cảnh và thiết kế nghệ thuật		10.3942	0.3465	8.13	
F	Liên hệ cảm giác vào trong xúc cảm		8.0040	0.5336	12.52	
G	Hiểu sự biến đổi, hòa trộn các cảm xúc		5.6162	0.4680	10.98	
H	Quản lý xúc cảm người khác		3.3068	0.3674	8.62	

Phân tích số liệu bảng 3.7 cho thấy một bức tranh chính xác hơn về thực trạng EI của GVTH đã được thiết lập, cụ thể:

- *Năng lực liên hệ cảm giác vào trong xúc cảm* có điểm trung bình cao nhất (0.5336), đứng thứ 2 là *Năng lực giải thích sự thay đổi xúc cảm* (0.5270) và thứ 3 là *Năng lực giải quyết vấn đề cụ thể* (0.4893) của GVTH. Kết quả nghiên cứu này cho thấy có lẽ do thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nên năng lực nhận thức về xúc cảm cụ thể trong hoàn cảnh cụ thể của GVTH khá phát triển.

- Điểm trung bình thấp nhất là *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều* (0.2756), sau đó là *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân* (0.3242), rồi đến *Năng lực nhận biết xúc cảm qua tranh phong cảnh và thiết kế nghệ thuật* (0.3465). Kết quả này thể hiện năng lực chủ động tạo ra những xúc cảm tích cực để thúc đẩy suy nghĩ, suy nghĩ một cách đa diện, sáng tạo của GVTH khá hạn chế mặc dù năng lực nhận thức về xúc cảm trên khuôn mặt ở họ khá phát triển. Tuy *Năng lực nhận thức về xúc cảm* khá phát triển nhưng *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân* lại kém phát triển, phải chăng là mâu thuẫn hay là do trong nhận thức của mình, GVTH cho rằng họ luôn đúng khi giải quyết THSP trong giao tiếp với học sinh nhỏ nên chưa tận dụng được ưu thế này để tiến thêm một bước là quản lý tốt xúc cảm của bản thân. Như đã phân tích ở trên, hiện nay GVTH

làm việc trong điều kiện khá căng thẳng, vậy mà *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều* và *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân* của họ lại chưa được phát triển, chứng tỏ chưa có năng lực cải thiện đời sống xúc cảm của bản thân và chưa được huấn luyện để phát triển năng lực EI cần thiết. Đây là một căn cứ quan trọng để luận án xây dựng nội dung và thiết kế biện pháp thực nghiệm.

Đặc điểm EI này của GVTH đặt ra cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng biện pháp tác động TN của luận án là muốn phát triển EI cho GVTH cần phát triển tất cả các năng lực EI tiểu thành phần của họ, đặc biệt chú trọng đến *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều*, *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân* và *người khác*

### **Một số kết luận về nghiên cứu thực trạng EI bằng MSCEIT của GVTH**

+ EQ của GVTH ở mức trung bình, được quy định bởi sự phát triển của tất cả các năng lực thành phần của EI.

+ Các năng lực EI thành phần của GVTH phát triển chưa đồng đều, mang đặc thù của hoạt động nghề nghiệp, sự khác biệt giữa chúng là đáng kể và có ý nghĩa về mặt thống kê. Các *Năng lực liên hệ cảm giác vào trong xúc cảm*, *Năng lực giải thích sự thay đổi xúc cảm*, *Năng lực giải quyết vấn đề cụ thể* phát triển hơn, còn *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều*, *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân*, *Năng lực quản lý xúc cảm người khác* của GVTH còn hạn chế.

### **3.1.3. Thực trạng các biểu hiện EI trong HĐSP của GVTH**

#### **3.1.3.1. Biểu hiện EI của GVTH trong các quan hệ sư phạm điển hình**

**Bảng 3.8: Thực trạng các biểu hiện năng lực EI cơ bản trong các quan hệ sư phạm điển hình của GVTH**

TT	NĂNG LỰC EI CƠ BẢN	Điểm trung bình				Tổng cộng
		Q.hệ với học sinh	Q.hệ với Cha mẹ HS	Q.hệ với đ.nghiệp	Q.hệ với bản thân	
1	Nhận thức xúc cảm	18.4211	10.5263	12.8947	16.8421	<b>58.6842</b>
2	Sử dụng xúc cảm	9.7368	17.8947	15.5263	13.6842	<b>56.8421</b>
3	Hiểu xúc cảm	15.7895	14.7368	8.1579	5.7895	<b>44.4737</b>
4	Quản lý xúc cảm	4.7222	7.2222	9.1667	3.3333	<b>24.4444</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.7778</b>	<b>50.5556</b>	<b>45.2778</b>	<b>40.2778</b>	

Kết quả bảng 3.8 cho thấy năng lực EI của GVTH biểu hiện rõ rệt nhất trong quan hệ với cha mẹ học sinh, nhưng trong quan hệ với bản thân lại kém nhất. GVTH có *Năng lực nhận thức xúc cảm* và *Năng lực hiểu xúc cảm của học sinh*, tuy nhiên *Năng lực quản lý xúc cảm của bản thân* và *học sinh* đều rất hạn chế, điều này cho thấy dường như GVTH chưa ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của năng lực quản lý xúc cảm, đặc biệt là quản lý xúc cảm của bản thân, phải chăng đây là một trong những nguyên nhân cơ bản đưa

đến sự tồn tại một loạt vấn đề chưa được giải quyết trong nhà trường tiểu học hiện nay, làm hạn chế hiệu quả HĐSP. Kết quả nghiên cứu này có tương quan thuận với kết quả MSCEIT ( $t = 9.655, < 0.05$ ).

### **3.1.3.2. Biểu hiện EI của giáo viên tiểu học trong HĐSP**

- *Năng lực hiểu xúc cảm và Nhận thức xúc cảm* phát triển tương đối đồng đều ở GVTH.

- Năng lực giải quyết có hiệu quả các xung đột trong các THSP chưa được biểu hiện rõ ở GVTH (20.4% giải quyết qua loa, 10.4% bực bội, 9.7% không giải quyết THSP khi giáo viên đang có xúc cảm buồn rầu).

- Năng lực nhận thức vấn đề liên quan đến xúc cảm một cách đa chiều của GVTH là thấp (<10%).

- Khi đối diện với khó khăn trong công việc (như THSP phức tạp, nhiệm vụ chuyên môn khó), giáo viên thường chọn cách tham khảo ý kiến đồng nghiệp (41.7%) hơn là tự mình tìm cách giải quyết.

### **3.1.3.3. Mức độ biểu hiện EI của GVTH trong hoạt động sư phạm**

GVTH đánh giá mức độ biểu hiện các năng lực EI trong HĐSP của họ ở mức trung bình và có tương quan với kết quả MSCEIT của họ.

## **Kết luận về nghiên cứu thực trạng các biểu hiện EI trong HĐSP của GVTH**

Thông qua HĐSP, GVTH có điều kiện phát triển tự phát một số năng lực EI để giải quyết tình huống tình thế trong mối quan hệ với học sinh, cha mẹ học sinh, nhưng họ lại chưa tự ý thức, chưa chủ động và chưa được luyện tập một cách khoa học để quản lý được xúc cảm của bản thân và người khác trong các mối quan hệ sư phạm điển hình; để sử dụng các năng lực EI giải quyết những vấn đề có tính chất chiến thuật và chiến lược trong HĐSP.

Thực trạng này đặt ra một yêu cầu phải giải quyết trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GVTH là cần hướng dẫn, rèn luyện nâng cao ý thức quản lý xúc cảm bản thân, tính chủ động, sáng tạo trong trí tuệ nói chung và trong EI nói riêng một cách có hệ thống.

## **Đề xuất xây dựng biện pháp tác động tâm lý trong nghiên cứu TN**

+ Cần xây dựng các biện pháp tác động tâm lý cho tất cả các năng lực EI thành phần để phát triển EI cho GVTH.

+ Chú trọng phát triển các *Năng lực tư duy đa chiều, sáng tạo về xúc cảm* và *Năng lực quản lý xúc cảm của bản thân và người khác* cho GVTH.

+ Nên sử dụng hình thức làm việc nhóm để tổ chức luyện tập EI cho GVTH.

## **3.2. Thực trạng kết quả HĐSP của giáo viên tiểu học**

### **3.2.1. Thực trạng kết quả hoạt động sư phạm của GVTH**

#### **\* Thực trạng kết quả HĐSP theo Danh hiệu thi đua các cấp**

Đa số GVTH đạt được Danh hiệu giỏi cấp trường.

#### **\* Thực trạng kết quả HĐSP của GVTH theo Đánh giá của các nhóm xã hội - nghề nghiệp**

Theo Đánh giá tổng hợp của nhóm xã hội - nghề nghiệp về HĐSP thì không có GVTH có kết quả ở mức dưới trung bình, chủ yếu tập trung ở loại trên trung bình và giỏi. Trong đó, tỉ lệ GVTH đạt loại giỏi là 31.40% trong hoạt động chủ nhiệm lớp và 52.89% trong hoạt động dạy học. Kết quả này cho thấy cả cán bộ quản lý và giáo viên có xu hướng đánh giá cao kết quả HĐSP của giáo viên, và đạt được hiệu quả trong hoạt động chủ nhiệm lớp dường như khó hơn trong hoạt động dạy học, tuy cả hai hoạt động này đều do cá nhân GVTH thực hiện trong một lớp học.

**\* *Thực trạng kết quả HĐSP của GVTH về mặt sản phẩm hoạt động***

***Thực trạng kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của HSTH***

Theo Đánh giá của nhà trường về thực trạng kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của 3620 HSTH từ 103 lớp có giáo viên tham gia TN, về học tập chủ yếu ở mức Khá (36.93%) và Giỏi (56.27%), về đạo đức có tới 99.08% Đạt yêu cầu.

***Thực trạng mức độ biểu hiện một số kỹ năng xã hội của HSTH:***

Kỹ năng *Biết đồng cảm với bạn* đa số được đánh giá ở mức độ biểu hiện rõ (76.31%), chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ ở mức biểu hiện chưa rõ (1.24%); còn kỹ năng *Biết quan tâm, chia sẻ với người khác* được trải ở cả 3 mức độ biểu hiện, trong đó biểu hiện rõ là 37.54% và chưa rõ cũng ở một tỉ lệ xấp xỉ là 36.55%, còn lại ở mức trung bình.

***Thực trạng những biểu hiện EI của HSTH lớp lớn:***

Kết quả điều tra cho thấy HSTH lớp 4 đã có những biểu hiện cụ thể của năng lực EI. Năng lực nhận thức xúc cảm, biểu hiện *Biết đồng cảm* với người cùng giao tiếp của trẻ khá phát triển. Năng lực sử dụng xúc cảm với biểu hiện *Biết kiềm chế* chưa thể hiện rõ. Năng lực hiểu xúc cảm với biểu hiện *Có xu hướng chấp nhận những chiến lược hòa giải để giải quyết các xung đột* thể hiện tương đối rõ. Năng lực điều chỉnh xúc cảm với biểu hiện *Biết quan tâm giúp đỡ người khác* thể hiện chưa rõ, dừng lại ở sự biểu hiện thái độ và chưa chủ động trong cách giải quyết, còn phụ thuộc vào người lớn.

**3.2.2. *Tương quan giữa mức độ EI với kết quả HĐSP của GVTH***

Tương quan giữa mức độ EQ với kết quả hoạt động chủ nhiệm lớp cũng như với kết quả hoạt động dạy học của GVTH do các nhóm xã hội - nghề nghiệp đánh giá có mối tương quan thuận nhưng thấp.

**Một số kết luận về nghiên cứu thực trạng HĐSP của GVTH**

+ HĐSP của GVTH có thể được đo lường trên cơ sở kết quả Đánh giá tổng hợp của các nhóm xã hội - nghề nghiệp. Theo đó, đa số GVTH có HĐSP xếp loại Trên trung bình và Giỏi, không có loại Dưới trung bình.

+ Kết quả HĐSP và mức độ EI của GVTH có tương quan thuận.

+ Với tư cách là sản phẩm HĐSP của GVTH, kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của HSTH chủ yếu đạt loại Khá và Giỏi, một số kỹ năng xã hội của HSTH biểu hiện ở mức trung bình, năng lực EI của học sinh còn hạn chế.

+ Cần chú trọng đúng mức đến quan điểm đánh giá nhân cách học sinh một cách toàn diện, không chỉ căn cứ vào kết quả học tập các môn văn hóa.

### **Đề xuất xây dựng biện pháp tác động tâm lý trong nghiên cứu TN**

Cần thiết kế các biện pháp nâng cao năng lực EI cho GVTH, đồng thời cần có những tác động nhằm nâng cao các kỹ năng xúc cảm xã hội, nâng cao EI cho HSTH như một cách thức góp phần cải thiện hiệu quả HĐSP của GVTH.

### **3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến EI của giáo viên tiểu học**

EI của GVTH chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tuổi đời, tuổi nghề, trình độ được đào tạo, kiểu giáo dục gia đình, hoạt động nuôi dạy con, gia đình riêng, nghề nghiệp và trình độ của cha mẹ, đặc biệt là yếu tố nhận thức về vai trò của EI đối với HĐSP của họ. Ngoài ra, có một số yếu tố ảnh hưởng đến HĐSP của GVTH như mức độ hài lòng, nguyên nhân dẫn đến xúc cảm lo lắng đối với cuộc sống và nghề nghiệp hiện tại, nguyện vọng đưa đến xúc cảm hài lòng về sự phát triển nghề nghiệp của họ.

Những kết luận khoa học về thực trạng EI, thực trạng kết quả HĐSP và một số yếu tố ảnh hưởng tới EI và HĐSP của GVTH không chỉ cung cấp thông tin về GVTH cho cơ quan quản lý giáo dục mà còn là cơ sở khoa học thực tiễn để luận án xây dựng và tổ chức thực nghiệm nâng cao EI cho loại giáo viên này.

### **3.4. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm**

Luận án lựa chọn 103 người từ mẫu tổng thể 363 GVTH, chia thành nhóm ĐC gồm 38 giáo viên và nhóm TN gồm 65 giáo.

*\* Thực trạng mức độ EI của nhóm TN và ĐC trước TN theo MSCEIT*

**Bảng 3.23: Điểm  $\overline{EQ}$  của nhóm TN và ĐC trước thực nghiệm (MSCEIT)**

Nhóm	N	Min	Max	Điểm TB	SD
Đối chứng	38	63.22	125.98	<b>102.465</b>	14.7860
Thực nghiệm	65	52.85	118.25	<b>98.0381</b>	13.8421
Tổng cộng	103	52.85	125.98	<b>99.6714</b>	14.2876

Với trị số p-value = 0.13 (> 0.05) chỉ ra rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về điểm  $\overline{EQ}$  giữa hai nhóm TN và ĐC trước TN. Luận án lựa chọn 2 trường Quảng An và Đông Ngạc B có điểm  $\overline{EQ}$  thấp nhất để tiến hành các biện pháp thực nghiệm sâu hơn nhằm nâng cao EI cho GVTH.

*\* Thực trạng kết quả HĐSP của nhóm TN và ĐC theo Đánh giá của các nhóm xã hội - nghề nghiệp*

Kết quả HĐSP trước TN của nhóm TN và ĐC là tương đương nhau, không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê.

*\* Tương quan giữa mức độ EI với kết quả HĐSP của nhóm TN và ĐC*

Với  $t = -10.072$  trong hoạt động dạy học và  $t = -7.745$  trong hoạt động chủ nhiệm lớp đều  $< 0.05$  cho phép rút ra kết luận giữa mức độ EI và kết quả HĐSP theo đánh giá tổng hợp của nhóm TN và ĐC có tương quan thuận.

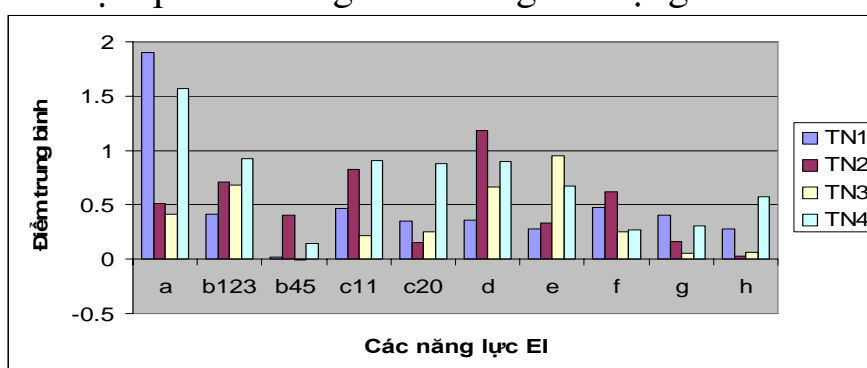
### 3.4.1. Sự biến đổi của EI của giáo viên nhóm ĐC và nhóm TN

**Bảng 3.40: So sánh  $\overline{EQ}$  (MSCEIT) của nhóm TN và ĐC trước và sau TN**

Thời điểm	Điểm $\overline{EQ}$				
	TN1	TN2	TN3	TN4	ĐC
Trước TN	101.0787	101.0787	101.1689	92.4788	102.4650
Sau TN	106.4328	109.1752	108.9065	108.1456	102.5168
<b>KQ so sánh</b>	<b>5.3541</b>	<b>8.0965</b>	<b>7.7376</b>	<b>15.6668</b>	<b>0.2918</b>

Số liệu bảng 3.40 cho thấy con đường tác động 4 có hiệu quả cao nhất trong 4 con đường nâng cao EI của GVTH. Sự chênh lệch điểm  $\overline{EQ}$  giữa nhóm TN2 và TN3 cho thấy nếu bỏ qua biện pháp “Tác động hồi tưởng” sau khi thực hiện biện pháp “Tác động nhận thức - Tạo động cơ” thì chính biện pháp “Tác động hiện thời” cũng không phát huy được hết hiệu quả của nó do thiếu đi nguồn nguyên liệu là những thông tin về xúc cảm đã được xử lý trong giai đoạn luyện tập theo biện pháp “Tác động hồi tưởng”, tức là bỏ qua một nội dung trong quy trình 4 bước phát triển EI của D.Caruso. Biện pháp “Tác động hiện thời” dù được triển khai với hình thức rèn luyện nhóm hay cá nhân đều có hiệu quả nâng cao một số năng lực EI thành phần nhất định. Tuy nhiên, hình thức luyện tập nhóm có ưu thế hơn trong việc nâng cao *Năng lực quản lý xúc cảm cá nhân và người khác*.

Giá trị  $t$  tìm được khi so sánh điểm  $\overline{EQ}$  trước và sau TN của từng nhóm TN đều  $< 0.05$  nên sự khác biệt là có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều này chứng minh khá rõ về hiệu quả của từng con đường tác động.



**Biểu đồ 3.9: So sánh các năng lực EI tiêu thành phần giữa các nhóm TN trước và sau TN**

Biểu đồ 3.9 cho thấy:

+ Con đường tác động 1 có ưu thế nâng cao *Năng lực nhận thức xúc cảm khuôn mặt*, nhưng chưa nâng cao được *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân*, đặc biệt là *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều*. ( $t = -6.870 < 0.05$ )

+ Con đường tác động 2 khẳng định ưu thế nâng cao *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân*, *Năng lực giải quyết vấn đề cụ thể*, nhưng chưa thể hiện tác

dụng phát triển *Năng lực quản lý xúc cảm người khác*. ( $t = -6.870, -6.433 < 0.05$ )

+ Con đường tác động 3 có tác dụng nâng cao *Năng lực nhận ra xúc cảm trong các bức tranh và thiết kế nghệ thuật*, nhưng hầu như chưa phát triển được *Năng lực hiểu sự biến đổi, hòa trộn xúc cảm và Năng lực quản lý xúc cảm người khác*. ( $t = -6.213$  và  $-3.527 < 0.05$ )

+ Con đường tác động 4 khẳng định ưu thế nâng cao cả 10 năng lực EI thành phần, đặc biệt là các năng lực EI hiện nay chưa được phát triển của GVTH như *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều, Năng lực quản lý xúc cảm bản thân, Năng lực nhận biết xúc cảm qua bức tranh phong cảnh và thiết kế nghệ thuật, Năng lực quản lý xúc cảm người khác* ( $t = -5.367, -9.113, -6.328 < 0.05$ ). Kết quả nghiên cứu hai giáo viên tham gia thử nghiệm biện pháp tác động hỗ trợ cho thấy chính sự tích cực hoạt động cá nhân là yếu tố quan trọng đưa đến sự thay đổi mức độ EI của GVTH.

Như vậy, con đường tác động tâm lý-sư phạm 4 bao gồm sự kết hợp của một hệ thống các biện pháp 1 “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, biện pháp 2 “Tác động hồi tưởng” và biện pháp 3 “Tác động hiện thời” đã khẳng định tính hiệu quả cao nhất trong việc nâng cao EI của GVTH nói chung và cải thiện những năng lực EI còn hạn chế của họ. Những con đường tác động 1,2,3 cũng có hiệu quả nhất định trong việc nâng cao EI, nhưng việc tiến hành những biện pháp tác động của các con đường này, mà thực chất là chưa thực hiện đủ bốn bước trong quy trình phát triển EI của D.Caruso, đã không thể đem lại sự phát triển EI một cách toàn diện như con đường tác động 4.

Ngoài ra, kết quả TN của luận án còn cho thấy nếu GVTH được hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục EI vào nội dung hoạt động dạy học và giáo dục thì có tác dụng phát triển EI và nâng cao hiệu quả HĐSP của họ.

### **3.4.2. Sự biến đổi những biểu hiện EI của GVTH trong HĐSP của nhóm ĐC và TN trước và sau TN**

#### **\* Biểu hiện EI của GVTH trong quan hệ sư phạm điển hình trước và sau TN**

Kết quả đo lường trên nhóm ĐC cho thấy với  $t = -1.100$ , sự tăng điểm trung bình của nhóm ĐC có ý nghĩa về mặt thống kê ( $t > 0.05$ ), tuy về giá trị tuyệt đối không lớn.

Kết quả đo lường trên nhóm TN cho thấy với  $t = -8.477$  thì sự phát triển của cả bốn biểu hiện EI của GVTH trong các mối quan hệ sư phạm điển hình sau TN là có ý nghĩa về mặt thống kê. Đặc biệt năng lực phức tạp nhất nhưng cũng kém phát triển nhất ở GVTH là *Năng lực quản lý xúc cảm bản thân* (trung bình tăng từ 3.33 lên 12.5 điểm) và *Năng lực quản lý xúc cảm của học sinh* (trung bình tăng từ 4.72 lên 11.66 điểm) đã được cải thiện đáng kể, góp phần giúp giáo viên hoàn thành tốt hơn HĐSP của mình.

Với  $t < 0.05$ , kết quả MSCEIT và biểu hiện EI trong các quan hệ sư phạm điển hình của GVTH sau TN có sự tương quan thuận có ý nghĩa về mặt thống kê.

**\* Biểu hiện EI của GVTH trong HĐSP hàng ngày trước và sau TN**

Nhóm ĐC hầu như không có sự thay đổi biểu hiện EI trong HĐSP trước và sau TN.

Các biểu hiện năng lực EI của GVTH thuộc nhóm TN đã được phát triển hơn, một số biểu hiện EI mà trước thực nghiệm cả nhóm ĐC và nhóm TN đều chưa có thì sau TN, có 63.1% giáo viên khẳng định có thể nhanh chóng tìm được cách giải quyết công việc để thoát khỏi tâm trạng quá lo lắng; 33.8% đã chủ động, sáng tạo ra những xúc cảm có lợi cho hoạt động học của trẻ... ở nhóm TN.

Đối với *Năng lực sử dụng xúc cảm để thúc đẩy tư duy*, phương án gạt bỏ xúc cảm tiêu cực để giải quyết tốt THSP được 61.2% giáo viên đưa ra trước TN thì sau TN, tỉ lệ này ở nhóm TN là 100%, còn nhóm ĐC chỉ có 31.6%. Đặc biệt *Năng lực quản lý xúc cảm* có thay đổi rõ rệt: sau TN, các giáo viên nhóm TN đã có sự đa dạng trong phương án giải quyết và quan tâm hơn đến đời sống xúc cảm của trẻ, cụ thể là có 20% lựa chọn việc *Quan tâm lắng nghe trẻ* (trước TN là 12.6%) để tạo ra bầu không khí tâm lý thuận lợi, ngoài ra 33.8% biết *Tạo điều kiện để trẻ thể hiện suy nghĩ, xúc cảm*, 26.2% *Biết cách thể hiện xúc cảm tích cực và phù hợp*... Nhóm ĐC không có sự thay đổi so với trước TN, thậm chí việc *Quan tâm lắng nghe trẻ* chỉ có 5.2% giáo viên lựa chọn.

Đối với những tình huống đòi hỏi giáo viên có nhiều cách giải quyết: ở nhóm ĐC không có thay đổi, ở nhóm TN có xấp xỉ 70% có đa phương án (so với trước TN là khoảng 10%).

Như vậy, sau khi nhận những biện pháp tác động của luận án, các biểu hiện năng lực EI của GVTH thuộc nhóm TN đã được phát triển hơn, đặc biệt là những năng lực EI chưa được biểu hiện rõ trong HĐSP của họ đã có sự cải thiện rõ rệt như khả năng tư duy độc lập và đa chiều từ nhiều góc độ, tính chủ động trong quản lý xúc cảm và giải quyết THSP.

**\* Mức độ biểu hiện các năng lực EI của GVTH trong HĐSP trước và sau TN**

Mức độ biểu hiện EI trong HĐSP của nhóm TN đã có sự thay đổi rõ rệt từ mức trung bình sang mức rõ và tỉ lệ thuận với mức độ EQ của họ ( $p = .037 < 0.05$ ). Mức độ biểu hiện EI trong HĐSP của nhóm ĐC có tăng, nhưng không đáng kể.

**\* Sự biến đổi của một số yếu tố liên quan đến sự biến đổi EI của GVTH trong HĐSP trước và sau TN**

*Sự biến đổi nhận thức vai trò của EI trong HĐSP*

Sau khi nhận các biện pháp tác động của luận án, nhận thức của GVTH về tầm quan trọng của EI đối với HĐSP thay đổi, 100% giáo viên nhóm TN đánh giá vai trò của *Năng lực quản lý xúc cảm* là quan trọng nhất (tăng từ 2.8 lên 3.0 điểm), và 3 năng lực EI cơ bản còn lại cũng được đánh giá khá cao đối với hiệu quả HĐSP (từ 2.87 đến 2.90). Còn nhóm ĐC hầu như không có sự thay đổi.

*Sự biến đổi mức độ hài lòng về điều kiện làm việc, thu nhập và quan hệ đồng nghiệp của nhóm ĐC và nhóm TN trước và sau TN*



Nhóm TN đã có sự thay đổi về mức độ hài lòng với công việc, trong đó tỉ lệ rất hài lòng tăng từ 27% lên 32.31% và khá hài lòng tăng từ 0% lên 10.77%, còn tỉ lệ tương đối hài lòng có giảm từ 49.5% xuống 40% và không hài lòng lắm giảm từ 24.3% xuống còn 16.92%. Ở nhóm ĐC hầu như không có sự thay đổi.

Nguyên nhân dẫn tới sự hài lòng của giáo viên trong công việc hiện tại cũng có sự thay đổi, một nguyên nhân nữa được giáo viên nhóm TN nêu ra sau TN là họ đã biết cách tự giảm áp lực trong công việc với tỉ lệ khá cao là 72.31%, điều này cho thấy các biện pháp tác động đã giúp GVTH quản lý tốt hơn đời sống xúc cảm của mình, tức là năng lực EI của họ được nâng cao.

### 3.4.3. Sự biến đổi thực nghiệm của HĐSP của nhóm ĐC và nhóm TN

#### \* *Sự biến đổi thực nghiệm của HĐSP theo đánh giá của các nhóm xã hội - nghề nghiệp*

Tổng hợp ý kiến đánh giá kết quả hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm lớp của nhóm TN và nhóm ĐC được thể hiện ở bảng 3.47:

**Bảng 3.47: Sự biến đổi kết quả HĐSP**

**theo Đánh giá của nhóm xã hội - nghề nghiệp trước và sau TN**

Nhóm	Đánh giá của các nhóm xã hội – nghề nghiệp			
	KQ HĐ dạy học		KQ HĐ chủ nhiệm	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
<b>TN</b>	3.4769	3.7158	3.1846	3.8310
<b>ĐC</b>	3.6316	3.6224	3.0263	3.0310

Số liệu bảng 3.47 cho thấy, theo Đánh giá của cán bộ quản lý, đồng nghiệp và bản thân giáo viên sau khi nhận các biện pháp tác động, kết quả HĐSP của nhóm TN đã tăng lên *mức khá, có tương quan thuận với mức độ EQ của họ* ( $t_1 = -3.311 (< 0.05)$  và  $t_2 = 0.172$ ).

#### \* *Sự biến đổi kết quả dẫn xuất của HĐSP của nhóm ĐC và TN*

##### *Kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của học sinh tiểu học*

Sau khi nhận các biện pháp tác động của luận án, các GVTH tham gia TN đã ứng dụng các tri thức, kỹ năng về giáo dục EI vào HĐSP. Kết thúc TN, kết quả điều tra cho thấy xếp loại thi đua về học tập và xếp loại thực hiện đầy đủ 4 nhiệm vụ của học sinh các lớp có giáo viên tham gia TN đều có xu hướng tăng.

##### *Mức độ biểu hiện một số kỹ năng xúc cảm xã hội của học sinh tiểu học*

Học sinh của giáo viên nhóm ĐC hầu như không có sự thay đổi mức độ biểu hiện hai kỹ năng xúc cảm xã hội này.

Đối với học sinh của giáo viên nhóm TN, kỹ năng *Biết đồng cảm với bạn* được đánh giá là có mức độ biểu hiện tăng hơn so với trước TN (từ 76.30% tăng lên 81.39%), trong đó tỉ lệ học sinh đạt mức độ biểu hiện rõ tăng lên, còn tỉ lệ học sinh có mức độ biểu hiện chưa rõ giảm xuống. Kỹ năng *Biết*

quan tâm, chia sẻ với người khác có mức biểu hiện rõ tăng từ 37.54% lên 51.98%, chưa rõ giảm từ 36.55% xuống 28.74%.

Như vậy, có thể nói sự biến đổi theo chiều hướng nâng cao EI của giáo viên nhóm TN do nhận các biện pháp tác động tâm lý - sư phạm đã dẫn đến sự biến đổi dương tính về chất lượng HĐSP của họ.

### Những biểu hiện EI của học sinh tiểu học lớp lớn

Kết quả biểu hiện của 4 năng lực EI cơ bản của học sinh lớp 4 sau TN được biểu hiện rõ hơn trước TN, thể hiện ở năng lực nhận ra xúc cảm của bạn trong một tình huống cụ thể chính xác hơn, từ đó thể hiện hành vi giao tiếp tương ứng, tìm ra nhiều phương án giải quyết tương đối hiệu quả trong một tình huống cụ thể, biết chủ động hơn, hiệu quả hơn trong cách giải quyết vấn đề...

Tóm lại, các biện pháp và con đường tác động tâm lý của luận án thiết kế dựa trên mô hình EI 97 và xây dựng nhà trường tiểu học thành cộng đồng giáo dục EI đều có hiệu quả nâng cao EI của GVTH. Tuy nhiên, con đường tác động 4, gồm sử dụng một hệ thống liên hoàn 3 biện pháp tác động “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, “Tác động hồi tưởng”, “Tác động hiện thời” đã thể hiện hiệu quả cao nhất trong việc nâng cao EI của GVTH, góp phần làm tăng hiệu quả HĐSP của họ.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### KẾT LUẬN

Trí tuệ cảm xúc là một hiện tượng tâm lý phức tạp của con người, được nghiên cứu độc lập từ năm 1990 và đang ở giai đoạn làm sáng tỏ về khái niệm, mô hình, và khả năng ứng dụng của tri thức về trí tuệ cảm xúc. Hiện nay, mô hình EI97 cùng công cụ đo lường MSCEIT và quy trình nâng cao EI của P.Salovey, J.Mayer và D.Caruso được đánh giá là mô hình hợp lý nhất đã được kiểm chứng. Nghiên cứu EI của GVTH là cơ sở để cải thiện năng lực sư phạm của GVTH theo yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp GVTH, góp phần giải quyết một số vấn đề đang tồn tại trong nhà trường tiểu học và hình thành nhân cách cho học sinh tiểu học.

Trên cơ sở nghiên cứu EI của GVTH, cho phép rút ra những kết luận sau:

1. Trí tuệ cảm xúc của GVTH bao gồm năng lực nhận ra xúc cảm hiện có và hiểu sự phát triển của xúc cảm bản thân và học sinh, năng lực sử dụng xúc cảm để kích thích tư duy của mình và người khác, năng lực quản lý được xúc cảm bản thân, học sinh và các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục trẻ, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong HĐSP.

2. EI của GVTH trong HĐSP ở mức trung bình, 19.3% GVTH có mức độ EQ dưới trung bình. Đường biểu diễn EQ của GVTH có dạng phân phối chuẩn.

- EI của GVTH mang đặc thù của bậc học, của hoạt động nghề nghiệp. GVTH có *Năng lực liên hệ cảm giác vào trong xúc cảm, Năng lực giải thích sự thay đổi xúc cảm, Năng lực giải quyết vấn đề cụ thể* khá phát triển còn *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều, Năng lực quản lý xúc cảm bản thân, Năng lực quản lý xúc cảm người khác* còn hạn chế.

- Trong quan hệ sư phạm điển hình và HĐSP, GVTH có *năng lực hiểu xúc cảm của học sinh và cha mẹ học sinh, sử dụng xúc cảm để thúc đẩy tư duy trong quan hệ với cha mẹ học sinh, với đồng nghiệp* nhưng *năng lực quản lý xúc cảm của học sinh, sử dụng xúc cảm để thúc đẩy tư duy của học sinh* còn chưa được phát triển.

3. EI của GVTH có tương quan thuận với kết quả HĐSP của họ. Theo quan điểm tiếp cận đa diện, hiệu quả HĐSP của GVTH hiện nay chưa cao, thể hiện ở đánh giá của nhóm xã hội – nghề nghiệp, ở sản phẩm HĐSP như một số kỹ năng xúc cảm xã hội của HSTH, EI của học sinh do họ trực tiếp dạy học và giáo dục.

4. Thực trạng EI của GVTH chịu ảnh hưởng của một số yếu tố như tuổi đời, tuổi nghề, trình độ được đào tạo, kiểu giáo dục gia đình, hoạt động nuôi dạy con, thành lập gia đình riêng, nghề nghiệp và trình độ của cha mẹ, đặc biệt là nhận thức về vai trò của EI đối với HĐSP của họ. Ngoài ra, HĐSP của GVTH cũng chịu ảnh hưởng của một số yếu tố như mức độ hài lòng đối với cuộc sống, với điều kiện làm việc, thu nhập và quan hệ đồng nghiệp... của họ.

5. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho phép rút ra kết luận việc sử dụng các biện pháp tác động tâm lý theo các con đường tác động khác nhau trong nhà trường tiểu học được tổ chức thành cộng đồng giáo dục EI là có hiệu quả trong việc nâng cao EI của GVTH, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả HĐSP của họ. Tuy nhiên, con đường tác động 4 gồm hệ thống 3 biện pháp liên hoàn “Tăng cường nhận thức - Tạo động cơ”, “Tác động hồi tưởng”, “Tác động hiện thời” đã khẳng định ưu thế nâng cao cả 10 năng lực EI thành phần, đặc biệt là các năng lực EI chưa được phát triển của GVTH như *Năng lực xem xét vấn đề đa chiều, Năng lực quản lý xúc cảm bản thân, Năng lực nhận biết xúc cảm qua bức tranh phong cảnh và thiết kế nghệ thuật, Năng lực quản lý xúc cảm người khác*. Ngoài ra, cũng cần khẳng định việc thực hiện hình thức luyện tập nhóm và lồng ghép nội dung giáo dục EI vào nội dung HĐSP của GVTH là một biện pháp hỗ trợ có tác dụng nâng cao EI và góp phần nâng cao hiệu quả HĐSP của GVTH.

Bên cạnh đó, thông qua các biện pháp tác động của luận án, các biểu hiện EI của GVTH trong 4 mối quan hệ sư phạm điển hình đều có sự phát triển, những năng lực chưa được biểu hiện rõ trong HĐSP của họ đã có sự cải thiện rõ rệt như năng lực quản lý xúc cảm bản thân, khả năng tư duy độc lập và đa chiều từ nhiều góc độ, tính chủ động trong quản lý xúc cảm và giải quyết THSP. Mức độ biểu hiện EI trong HĐSP của nhóm TN đã có sự thay đổi rõ

rệt từ mức biểu hiện trung bình sang mức biểu hiện rõ và tỉ lệ thuận với mức độ EQ của họ.

Hiệu quả HĐSP cũng được cải thiện rõ rệt sau TN, theo Đánh giá tổng hợp của các nhóm xã hội – nghề nghiệp, kết quả HĐSP của GVTH tăng từ mức Trung bình lên mức Khá, tỉ lệ HSTH của các GVTH tham gia thực nghiệm đạt danh hiệu thi đua Khá, Giỏi tăng và tỉ lệ học sinh xếp loại Trung bình, Yếu giảm; mức độ biểu hiện một số kỹ năng xúc cảm xã hội của học sinh tăng lên rõ rệt; các biểu hiện EI của học sinh có sự phát triển.

Rõ ràng là để nâng cao EI của GVTH cần dựa trên một lý thuyết EI có tính học thuật chặt chẽ như mô hình EI 97 và việc tổ chức quy trình hợp lý đảm bảo nâng cao từng năng lực EI cơ bản theo đúng cấu trúc của nó là đi từ năng lực nhận thức xúc cảm, sử dụng xúc cảm đến hiểu xúc cảm và quản lý xúc cảm cũng như việc tổ chức cho GVTH tiến hành luyện tập trong hoạt động thực tiễn, trong nhóm xã hội-nghề nghiệp ở nhà trường được xây dựng thành một cộng đồng giáo dục EI, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả HĐSP của GVTH.

## **KIẾN NGHỊ**

**1.** Chuẩn nghề nghiệp GVTH cần được cụ thể hóa trong nội dung giảng dạy ở trường sư phạm, trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho GVTH, trong đó cần chú trọng đến nội dung EI là một thành tố trí tuệ quan trọng đối với sự thành công trong HĐSP.

**2.** Nhà trường phổ thông cần có ý thức xây dựng tổ chức của mình thành một cộng đồng giáo dục EI, trong đó mỗi giáo viên trở thành một chuyên gia giáo dục EI, nhờ vậy học sinh sẽ có được các kỹ năng xã hội cốt lõi, có điều kiện dễ dàng tiếp thu những kiến thức học thuật tới một trình độ cao hơn, nhằm mục đích tạo ra những lớp học hiệu quả, tích cực, giải quyết những vấn đề tiêu cực nảy sinh trong nhà trường và xã hội hiện nay.

**3.** Cần đa diện trong cách đánh giá hiệu quả HĐSP của GVTH, trong đó bao gồm việc đánh giá năng lực EI của họ và dẫn xuất của năng lực EI trong sản phẩm của HĐSP, đó là mức độ EI của học sinh do họ trực tiếp giảng dạy, giáo dục.

**4.** Kết quả nghiên cứu này có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các trường phổ thông, các trường sư phạm, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp có các ngành học có liên quan đến con người và xã hội (như công tác xã hội, chính trị, hành chính, văn hóa, kinh doanh, lao động...), góp phần nâng cao chất lượng đào tạo - giáo dục học sinh, sinh viên. Hệ thống 3 biện pháp tác động tâm lý - sư phạm của luận án có thể được sử dụng để rèn luyện nâng cao EI cho sinh viên sư phạm và giáo viên các trường phổ thông.

**5.** Cần triển khai những nghiên cứu ở diện rộng hơn, sâu hơn về EI trong lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực khác nhau của xã hội Việt Nam.